

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ B
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 28/2018/HS-ST

Ngày: 04-5-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trịnh Đình Tú.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Cầm Văn Nam;
2. Ông Hoàng Xuân Ty.

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Phan Văn Dự - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố B.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Đức - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 5 năm 2018 tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân thành phố B (Tp. B), tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 24/2018/TLST-HS ngày 20 tháng 3 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 27/2018/QĐXXST-HS ngày 06 tháng 4 năm 2018 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Nguyễn Trần Duy Ph; sinh năm 1992; tại: Lâm Đồng; NĐKNKTT và cư trú: Xóm X, thôn Y, xã Đ, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng; trình độ học vấn: 9/12; nghề nghiệp: Không; dân tộc: Kinh; con ông: Nguyễn Văn H và bà: Trần Thị Thanh Tr; vợ, con: Chưa có; tiền án: Không; tiền sự: Ngày 09/3/2017 bị Công an thành phố B, tỉnh Lâm Đồng xử phạt số tiền 5.000.000đ (năm triệu đồng) về hành vi trộm cắp tài sản và cố ý làm hư hỏng tài sản của người khác, hiện nay chưa chấp hành quyết định xử phạt; bị bắt tạm giam từ ngày 12/12/2017 đến nay; có mặt.

2. Họ và tên: Đặng Văn Tr; sinh năm 1990; tại: Lâm Đồng; NĐKNKTT: Thôn X, xã Đ, huyện T, tỉnh Đắk Nông; nơi cư trú: Thôn A, xã L, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng; trình độ học vấn: 6/12; nghề nghiệp: Làm vườn; dân tộc: Kinh; con ông: Đặng Văn D và bà: Phạm Thị T; vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giam từ ngày 07/02/2018 đến nay; có mặt.

- Người bị hại:

Anh Trần Hoàng V, sinh năm: 1981; nơi cư trú: Thôn T, xã L, TP. B, tỉnh Lâm Đồng, vắng mặt;

Anh Nguyễn Huy H, sinh năm: 1981; nơi cư trú: Tổ A, phường L, TP. B, tỉnh Lâm Đồng, vắng mặt.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

Chị Phạm Thị Bích Ph, sinh năm: 1988; nơi cư trú: Số M, Quốc Lộ Y, xã L, TP. B, tỉnh Lâm Đồng, có mặt;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Vào trưa ngày 15/11/2017 Đặng Văn Tr rủ Nguyễn Trần Duy Ph đi mua gỗ mít, cả hai sử dụng xe máy không rõ biển số tới nhà anh Trần Hoàng V, trú tại thôn T, xã L, thành phố B. Khi vào sân nhà anh V, Tr thấy máy cửa hiệu Echo màu đỏ của anh V đang để ở sân, Tr nói với Ph: Trong nhà không có ai, lấy máy cửa đi. Sau đó Tr đi ra sau nhà gặp chị Hoàng Thị Q là vợ của anh V hỏi mua gỗ mít. Chị Q nói anh V không có ở nhà và cho Tr số điện thoại để gọi cho anh V. Lúc Tr đi ra thì thấy Ph đang cầm máy cửa của anh V. Tr điều khiển xe chở Ph cùng máy cửa bỏ đi. Cả hai mang máy cửa tới bán cho ông Đặng Văn Kh, trú tại số X, đường T, phường L, thành phố B được 700.000đ (bảy trăm ngàn đồng). Số tiền này cả hai sử dụng tiêu xài cá nhân hết.

Theo Kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự số 93 ngày 23/11/2017 của Hội đồng định giá Tp.B xác định: chiếc máy cửa của anh V bị chiếm đoạt có trị giá 2.700.000đ (hai triệu bảy trăm ngàn đồng).

Về vật chứng: Sau khi mua máy cửa, ông Kh đã bán lại cho người khác nên Cơ quan điều tra không thu hồi lại được.

Về trách nhiệm dân sự: Anh Trần Hoàng V yêu cầu được bồi thường lại số tiền 2.700.000đ (hai triệu bảy trăm ngàn đồng). Hiện nay các bị cáo chưa bồi thường.

Quá trình điều tra Nguyễn Trần Duy Ph còn khai nhận thực hiện một vụ trộm cắp tài sản cụ thể như sau: Vào khoảng 16 giờ ngày 04/12/2017 Ph tới quán internet của anh Nguyễn Huy H, ở tổ N, phường L, thành phố B để chơi game. Trong lúc anh H đi xuống nhà dưới pha mì gói thì Ph thấy 01 điện thoại di động hiệu LG-G3 màu trắng và 01 máy tính bảng hiệu Nokia N1 màu trắng của anh H đang để trên bàn, Ph đã lấy điện thoại và máy tính bảng rồi bỏ đi. Ph mang máy tính bảng hiệu Nokia N1 tới bán cho chị Phạm Thị Bích Ph, ở tại số Y, quốc lộ M, xã L được 1.500.000đ (một triệu năm trăm ngàn đồng). Còn chiếc điện thoại hiệu LG-G3 Ph mang tới cầm cho ông Bùi Văn Ng, trú tại số Z, đường P, Phường L, thành phố B được 500.000đ (năm trăm ngàn đồng). Toàn bộ số tiền có được Ph tiêu xài cá nhân hết.

Theo Kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự số 99 ngày 11/12/2017 của Hội đồng định giá thành phố B xác định: Tổng tài sản của anh H bị chiếm đoạt có trị giá 3.770.000đ (ba triệu bảy trăm bảy mươi ngàn đồng).

Về vật chứng: Cơ quan điều tra đã thu hồi lại được toàn bộ số tài sản nêu trên và trả lại cho anh Nguyễn Huy H quản lý sử dụng.

Về trách nhiệm dân sự: sau khi nhận lại tài sản anh H không yêu cầu bồi thường gì thêm. Chị Ph yêu cầu được bồi thường số tiền 1.500.000đ (một triệu năm trăm ngàn đồng) chị mua chiếc máy tính bảng. Hiện bị cáo Ph chưa bồi thường. Ông Ng không yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 500.000đ (năm trăm ngàn đồng) ông mua chiếc điện thoại hiệu LG-G3 trộm cắp.

Tại phiên tòa các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình đúng như cáo trạng đã nêu, không có thắc mắc khiếu nại đối với nội dung bản cáo trạng. Các Bị cáo nhận thức hành vi trộm cắp của mình là vi phạm pháp luật. Chị Phạm Thị Bích Ph yêu cầu được bồi thường số tiền 1.500.000đ (một triệu năm trăm ngàn đồng).

Bản Cáo trạng số 29/CT-VKS.BL ngày 20 tháng 3 năm 2018 của Viện kiểm sát nhân dân Tp. B, tỉnh Lâm Đồng truy tố các bị cáo Nguyễn Trần Duy Ph, Đặng Văn Tr về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự. Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Trong khoảng thời gian từ ngày 15/11/2017 đến ngày 04/12/2017 tại địa bàn thành phố B, tỉnh Lâm Đồng Nguyễn Trần Duy Ph đã hai lần trộm cắp tài sản của người khác tổng giá trị là 6.470.000đ (sáu triệu bốn trăm bảy mươi ngàn đồng). Đặng Văn Tr một lần trộm cắp tài sản trị giá 2.700.000đ (hai triệu bảy trăm ngàn đồng). Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm quyền sở hữu về tài sản của công dân, gây mất trật tự trị an tại địa phương, do đó Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm p khoản 1 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 33 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Ph từ 12 đến 15 tháng tù; áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm h, p khoản 1 Điều 46; Điều 33 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Tr từ 06 đến 09 tháng tù và đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo. Buộc các bị cáo Ph, Tr liên đới bồi thường cho anh V số tiền 2.700.000đ (hai triệu bảy trăm ngàn đồng); Bị cáo Ph bồi thường cho chị Ph số tiền 1.500.000đ (một triệu năm trăm ngàn đồng).

Các bị cáo nói lời sau cùng: Các bị cáo đã nhận thức được hành vi của mình là sai, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt để các bị cáo sớm trở về đoàn tụ với gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra công an Tp. B, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Tp. B, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Lợi dụng sơ hở của người quản lý tài sản, Nguyễn Trần Duy Ph đã hai lần

trộm cắp tài sản của người khác, tổng trị giá thiệt hại về tài sản là 6.470.000đ (sáu triệu bốn trăm bảy mươi ngàn đồng). Đặng Văn Tr một lần trộm cắp tài sản trị giá 2.700.000đ (hai triệu bảy trăm ngàn đồng). Hành vi của các bị cáo đã có đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản”, tội danh và hình phạt quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự.

Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm tới quyền sở hữu tài sản của người khác, gây mất trật tự tại địa phương. Khi thực hiện hành vi phạm tội các bị cáo có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, do vậy cần áp dụng mức hình phạt nghiêm khắc tương xứng với hành vi phạm tội mà bị cáo đã gây ra. Tuy nhiên khi lượng hình cũng cần áp dụng các tình tiết giảm nhẹ quy định trong Bộ luật Hình sự để giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo: Các bị cáo thành khẩn khai báo quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự. Bị cáo Tr phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng quy định tại điểm h khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự. Bị cáo Ph hai lần thực hiện hành vi trộm cắp, mỗi lần trị giá trên hai triệu đồng nên bị áp dụng tình tiết tăng nặng: Phạm tội nhiều lần quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự.

Xét về nhân thân: Bị cáo Ph có 01 tiền sự: Ngày 09/3/2017 bị Công an thành phố B, tỉnh Lâm Đồng xử phạt số tiền 5.000.000đ (năm triệu đồng) về hành vi trộm cắp tài sản và cố ý làm hư hỏng tài sản của người khác, hiện nay chưa chấp hành quyết định xử phạt;

Xét thấy: Các bị cáo đều là đối tượng nghiện ma túy, cần cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới có tác dụng răn đe và phòng ngừa.

[3]. Về trách nhiệm dân sự: Anh V yêu cầu các bị cáo Ph, Tr phải bồi thường giá trị chiếc cửa là 2.700.000đ (hai triệu bảy trăm ngàn đồng); chị Ph yêu cầu bị cáo Ph phải bồi thường số tiền 1.500.000đ (một triệu năm trăm ngàn đồng). Đây là yêu cầu chính đáng phù hợp với quy định của pháp luật cần buộc các bị cáo Ph, Tr có nghĩa vụ liên đới bồi thường cho anh V số tiền 2.700.000đ (hai triệu bảy trăm ngàn đồng) theo phần: Ph 1.350.000đ (một triệu ba trăm năm mươi ngàn); Tr 1.350.000đ (một triệu ba trăm năm mươi ngàn); buộc bị cáo Ph bồi thường cho chị Ph số tiền 1.500.000đ (một triệu năm trăm ngàn đồng).

[4]. Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

1/ Tuyên bố bị cáo Nguyễn Trần Duy Ph và bị cáo Đặng Văn Tr phạm tội “Trộm cắp tài sản”;

Áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm p khoản 1 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 33 Bộ luật hình sự năm 1999: Xử phạt bị cáo Nguyễn Trần Duy Ph 15 (mười lăm) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 12/12/2017.

Áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm h, p khoản 1 Điều 46; Điều 33 Bộ luật hình

sự năm 1999: Xử phạt bị cáo Đặng Văn Tr 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 07/02/2018.

2/ Về phần dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự năm 2015; Điều 589 Bộ luật dân sự: Buộc Nguyễn Trần Duy Ph và Đặng Văn Tr có nghĩa vụ liên đới bồi thường cho anh Trần Hoàng V số tiền 2.700.000đ (hai triệu bảy trăm ngàn đồng) theo phần: Ph 1.350.000đ (một triệu ba trăm năm mươi ngàn); Tr 1.350.000đ (một triệu ba trăm năm mươi ngàn); buộc Nguyễn Trần Duy Ph có nghĩa vụ bồi thường cho chị Phạm Thị Bích Ph số tiền 1.500.000đ (một triệu năm trăm ngàn đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, bên phải thi hành án còn phải chịu số tiền lãi theo quy định tại Điều 357 Bộ luật Dân sự.

3/ Về án phí: Căn cứ Khoản 2 Điều 136 BLTTHS năm 2015 và Nghị quyết số 326 của Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án buộc mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ (hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo, riêng những người vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc ngày niêm yết bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử Phc thẩm.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND TP B;
- Người tham gia tố tụng
- Chi cục T.H.A dân sự tp B;

Trịnh Đình Tú

